

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Lâm Tự

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1993. (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D: Bà Lâm Thị Hằng N – Luật sư V. (vắng mặt, có đơn)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988. (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2024, chị **Trịnh Thị Mỹ H**, trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn Q** có tổ chức tiệc cưới vào năm 2010 và có đăng kí kết hôn ngày 29/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh ngày 14/02/2011, **Nguyễn Thị Như Q1**, sinh ngày 03/12/2015 và **Nguyễn Thị Mỹ N1**, sinh ngày 24/10/2021, hiện cả 03 cháu đang sống chung với anh **Q**. thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn thường cự cãi, nhận thấy không thể hàn gắn nên chị **H** yêu cầu được ly hôn với anh **Q**. Về con chung giao 03 con chung cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **H** không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Nguyễn Văn Q** vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trình bày nội dung như sau: Về quan hệ hôn nhân anh **Q** đồng ý ly hôn với chị **H**. Về con chung anh **Q** thống nhất anh và chị **H** có 03 con chung là **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh ngày 14/02/2011, **Nguyễn Thị Như Q1**, sinh ngày 03/12/2015 và **Nguyễn Thị Mỹ N1**, sinh ngày 24/10/2021 hiện đang sống với anh **Q**, anh **Q** đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích, hợp pháp của nguyên đơn chị **Trịnh Thị Mỹ H** là bà **Lâm Thị Hằng N** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có bài bảo vệ gửi cho Tòa án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đúng quy định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Trịnh Thị Mỹ H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Q**. Về con chung giao 03 con chung cho anh **Nguyễn Văn Q** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên đề nghị hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Sóc Trăng** nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **Q** tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2011 tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** nên xác định hôn nhân của họ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”, như vậy chị **H** có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh **Q** có ý kiến đồng ý ly hôn với chị **H** cả hai đều thống nhất đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị **H** được ly hôn với anh **Q**

[2.2] Về con chung: Chị **H** và anh **Q** thống nhất có 03 con chung là **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh ngày 14/02/2011, **Nguyễn Thị Như Q1**, sinh ngày 03/12/2015 và **Nguyễn Thị Mỹ N1**, sinh ngày 24/10/2021 hiện đang sống với anh **Q**. Xét thấy 02 cháu **Nguyễn Thị Thúy K** và **Nguyễn Thị Như Q1** đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với cha là anh **Q**, riêng cháu **Nguyễn Thị Mỹ N1**, sinh ngày 24/10/2021 chưa đủ 03 tuổi hiện đang sống với anh **Q**, chị **H** yêu cầu giao cả 03 con chung cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Q** cũng đồng ý nên hội đồng có căn cứ chấp nhận giao 03 con chung cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự thống nhất không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn chị **Trịnh Thị Mỹ H** phải chịu theo quy định.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị Mỹ H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Q**
2. Về con chung: Giao 03 con chung tên **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh ngày 14/02/2011, **Nguyễn Thị Như Q1**, sinh ngày 03/12/2015 và **Nguyễn Thị Mỹ N1**, sinh ngày 24/10/2021 cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị **Trịnh Thị Mỹ H** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị **H** thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự thống nhất không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị **Trịnh Thị Mỹ H** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003935 ngày 28/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, Tỉnh Sóc Trăng (Số 133, ngày 29/7/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Kha